TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v: "T/c ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đoàn Thị Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành.

2. Bà Doãn Thị Lệ .

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Thuỷ Sơn Phương - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Thái Bình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 11/2025/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn D, xã G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Hẻm A L, tổ A, phường D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hồ Thị N trình bày:

Tôi và anh Nguyễn T qua tự nguyện tìm hiểu đã đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường D, tỉnh Gia Lai) vào ngày 26/8/2015. Sau khoảng thời gian chung sống với nhau, tôi nhận thấy chúng tôi không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chúng tôi đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn T.

- Về con chung: Tôi và anh Nguyễn T có 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15-10-2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02-11-2020. Ly hôn, tôi

có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Nguyễn T. Tuy nhiên, anh T vẫn không đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị N. Do vậy, anh T không có lời khai tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Điều này đồng nghĩa với việc anh T tự từ bỏ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên toà hôm nay, anh T vắng mặt đến lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Từ khi thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử; Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N được ly hôn anh Nguyễn T. Về con chung: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn T có 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15-10-2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02-11-2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15-10-2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02-11-2020 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp: căn cứ theo đơn khởi kiện của chị Hồ Thị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn là anh Nguyễn T hiện nay đang cư trú tại: Hẻm A L, tổ A, phường D, tỉnh Gia Lai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Gia Lai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do bị đơn Nguyễn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà đến lần thứ hai nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (nay là phường D, tỉnh Gia Lai) vào ngày 26/8/2015 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị N trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng không hiểu nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa, chị N và 02 con đã về nhà mẹ ruột để ở. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Trung .

Xét thấy: mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã xảy ra trong thời gian vợ chồng chung sống, kéo dài đến nay và đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hiện tại, cả hai không ai có thiện chí hoặc biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân, không còn tình cảm yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn T, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các thủ tục để đến Tòa án tham gia tố tụng, trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn chị N nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí hòa giải, quan tâm đến việc có cần tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân với chị N hay không. Mặt khác, tại phiên tòa chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh T. Xét thấy, để duy trì một mối quan hệ hôn nhân, cần phải có sự tình nguyện yêu thương, sự thấu hiểu và đồng lòng vun đắp tình cảm từ cả vợ lẫn chồng nhưng hiện tại hôn nhân giữa chị N và anh T đã không còn các yếu tố này. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hồ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Trung .

[4] Về con chung: Chị Hồ Thị N và anh Nguyễn T có 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15-10-2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02-11-2020. Ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung.

Xét thấy, cháu Nguyễn Huyền D có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi ba mẹ ly hôn. Bị đơn là anh Nguyễn T không đến Tòa án để trình bày ý kiến, do vậy Hội đồng xét xử không thể xác định được nguyện vọng của anh T về vấn đề nuôi con chung. Nguyện vọng của chị N là chính đáng và phù hợp nên được chấp nhận. Giao cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15/10/2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02/11/2020 cho đến khi các con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Hồ Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: chị Hồ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 4, 5, 6, 8, 9,10; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Hồ Thị N được ly hôn anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Hồ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên là Nguyễn Huyền D, sinh ngày 15/10/2017 và Nguyễn Hoàng N1, sinh ngày 02/11/2020 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hồ Thị N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Hồ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp trước đây là 300.000 đồng theo biên lai số 001389 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai (Nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 - Gia Lai).

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc

thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 – Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực khu vực 7 – Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thị Thanh Hà